TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quốc
2. Ông Ngô Văn Hoá

- **Thư ký phiên tòa**: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa**: Ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 47/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1992; địa chỉ: khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: khu phố P, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (*có đơn xin vắng mặt)*.

- *Bị đơn*: anh Phan Duy K, sinh năm: 1989; địa chỉ: khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh,(*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-5-2023 và trong quá trình làm việc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

- Về hôn nhân: chị và anh Phan Duy K tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại xã G, huyện T (nay là phường G, thị xã T), tỉnh Tây Ninh. Ngày cưới bên chồng cho 01 đôi bông tai, 01 chiếc lắc, 01 sợi dây chuyền, số vàng này vợ chồng bán để chi phí hết. Cưới xong vợ chồng sống chung nhà cha mẹ chị, đến năm 2014 vợ chồng về sống chung nhà cha mẹ chồng. Vợ chồng sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống không phù hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã nhau, anh K đi

làm không phụ tiền cho chị chi phí, anh cờ bạc đổ nợ vào năm 2021 khoảng 600 triệu đồng, chị phải bán nhà trả nợ cho anh xong, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và làm đơn ly hôn, lúc đó anh K đến năn nỉ hứa thay đổi nên chị rút đơn, vợ chồng đoàn tụ lại. Vợ chồng sống được 6 tháng thì anh K không thay đổi, mà tiếp tục cờ bạc đổ nợ, rượu chè về kiếm chuyện la lối chửi mắn, hâm dọa chị, cuộc sống không hạnh phúc, nên đầu tháng 5-2023 chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân luôn đến nay. Thời gian này anh K hay đón đường hâm dọa đánh chị, anh còn đến nhà cha mẹ chị để la lối chửi mắn cho rằng cha mẹ chứa chấp chị. Do cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng cũng không ở lại được nữa, nên chị xin ly hôn với anh K.

- Về con chung: có 01 cháu là Phan Thị Khánh T1, sinh ngày 24-9-2009, hiện chị đang nuôi, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.
- Về tài sản chung: vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 23-9-2023 chị có đơn xin vắng mặt do bận đi làm.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Phan Duy K đã được Toà án triệu tập để thu thập chứng cứ, nhưng anh không đến, cũng không cung cấp lời khai, ý kiến của mình cho Toà án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Anh K vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đề nghị xử vắng mặt các bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T đối với anh Phan Duy K; về con chung: giao cháu Phan Thị Khánh T1, sinh ngày 24-9-2009 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: anh chị tự thoả thuận không yêu cầu, nên không giải quyết; về nợ chung: không có không giải quyết. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: chị T có đơn xin vắng mặt có lý do; anh K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị T với anh K là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: chị T và anh K tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 5 năm 2023.

[2.1] Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau về tình cảm và tiền bạc. Chị T cho rằng anh K đi làm không phụ tiền cho chị mà còn cờ bạc đổ nợ vào năm 2021 khoảng 600 triệu đồng, chị phải bán nhà trả nợ xong chị xin ly hôn, anh K đến năn nỉ hứa thay đổi nên chị rút đơn về ở lại, sau đó anh K tiếp tục cờ bạc đổ nợ, anh còn rượu chè về kiếm chuyện la lối chửi mắn, hâm dọa chị, cuộc sống không hạnh phúc, nên đầu tháng 5-2023 chị bỏ đi và xin ly hôn. Toà án đã triệu tập anh K nhiều lần để thu thập chứng cứ, hoà giải nhưng anh không đến, cũng không cung cấp lời khai. Chứng tỏ anh K không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà để cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt.

[2.2] Qua xác minh bà Nguyễn Thị G thì: bà là mẹ ruột của Phan Duy K, K đang sống chung nhà với bà, vợ chồng T K cưới nhau sống bên vợ, năm 2014 vợ chồng về bên gia đình bà xây nhà ra ở riêng luôn. Vợ chồng sống hạnh phúc, ít khi cải nhau, năm 2021 T có nộp đơn ly hôn với K, nhưng vợ chồng đoàn tụ nên T rút đơn lại, tháng 5-2023 vợ chồng cãi nhau, T bỏ đi về bên cha mẹ ruột sống đến nay, gia đình hai bên có dàn xếp nhưng không hàn gắn được. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh K là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: anh chị có 01 cháu Phan Thị Khánh T1, sinh ngày 24-9-2009, hiện chị T đang nuôi, chị T yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng. Anh K không có ý kiến. Xét thấy, cháu T1 đã trên 7 tuổi, cháu có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, nghỉ nên giao cháu T1 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của cháu T1 và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: chị T không yêu cầu; anh K không có ý kiến, nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: chị T khai không có, không yêu cầu; anh K không có ý kiến, nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên toà là có căn cứ chấp nhận.

[7] *Về án phí*: chị T chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 273, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T đối với anh Phan Duy K. Chị T được ly hôn với anh K.

2. *Về con chung*: giao cháu Phan Thị Khánh T1, sinh ngày 24-9-2009 cho chị Nguyễn Thị Bích T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: chị T không yêu cầu; anh K không có ý kiến, nên không giải quyết.

4.*Về nợ chung*: chị T khai không có, không yêu cầu; anh K không có ý kiến, nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: chị Nguyễn Thị Bích T chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0027394 ngày 18-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị T nộp đủ tiền án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND P. Gia Huỳnh, TX Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị An